

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 8 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Bích Loan;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 409/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 708/2021/TB-TA ngày 20 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Bé H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 229/1, ấp PT, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 229/1, ấp PT, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Triệu Thị Bé H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/5/2021 của bà Triệu Thị Bé H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ tự tìm hiểu yêu thương rồi tiến đến hôn

nhân vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục Kết hôn số 68/TLKH-BS ngày 17/05/2001).

Quá trình chung sống ông Đ nhiều lần hành hung, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà H và gia đình. Vì thương con nên bà H nhẫn nhịn. Bà H đã nhiều lần báo Công an xã ĐP, Công an đã xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ và bắt buộc cam kết không tái phạm. Thế nhưng ông Đ vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục đánh đập bà H vô cớ. Sau Tết năm 2021, ông Đ bỏ nhà đi và sống ly thân với bà H đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông Đ sinh được 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 26/8/1999; Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 18/9/2000; Nguyễn Triệu Quốc H2, sinh ngày 20/5/2010. Hiện nay, cháu H1 và T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu giải quyết, đối với cháu H2 thì bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cháu H2, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/6/2021 nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ, ông Đ cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 17/6/2021, bà H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn và tình hình dịch bệnh phức tạp.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp: Bản chính bản tự khai ngày 22/5/2021; bản sao Trích lục kết hôn số 68/TLKH-BS ngày 17/5/2001 của Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Văn Quốc H1, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Triệu Quốc H2; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Triệu Thị Mỹ L; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Triệu Thị Bé H; bản photo Tờ cam kết ngày 16/01/2021 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Tài liệu, chứng cứ do ông Đ giao nộp: Không.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Công an xã ĐP, huyện AP; biên bản ghi nhận ý kiến của Nguyễn Văn Quốc H1 và Nguyễn Triệu Quốc H2.

Tại phiên tòa, do bà H và ông Đ cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà H, biên bản ghi nhận ý kiến của hai cháu Nguyễn Văn Quốc H1 và Nguyễn Triệu Quốc H2 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh tại Công an xã ĐP, huyện AP: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 229/1, ấp PT, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Đ thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 17/6/2021, em Nguyễn Văn Quốc H1 cho biết: Từ lúc sinh ra cho đến khi nhận thức được mọi việc, trưởng thành thì em H1 đã nhiều lần chứng kiến ông Đ đánh đập bà H, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm, nói xấu bà H. Nhiều lần Công an xã ĐP đã mời ông Đ đến để làm việc nhưng ông Đ không thay đổi. Ngoài ra, ông Đ còn chửi bới, xúc phạm bà ngoại của H1 đến mức bà ngoại H1 từ mặt ông Đ; ông Đ cũng không làm tròn trách nhiệm của mình, không yêu thương dạy dỗ H1 và các em H1, ngày nào cũng nhậu nhẹt, say xỉn. Bà H bị tai nạn gãy tay trước Tết nhưng ông Đ vẫn nói xấu và đánh đập vào chính ngay vết thương ở tay của bà H. Công an xã đã xử phạt hành chính ông Đ và buộc ông Đ phải làm cam kết không tái phạm. Sau đó thì ông Đ và bà H sống ly thân cho đến nay.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 17/6/2021, em Nguyễn Văn Quốc H2 cho biết: Hiện nay em H2 đang sinh sống cùng mẹ tên Triệu Thị Bé H. Trong trường hợp cha mẹ không sinh sống cùng nhau thì em H2 mong muốn được sống cùng với bà H. Do ông Đ từ trước đến nay không chăm lo cho em H2 và các anh chị, thường xuyên say xỉn, đánh đập bà H.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Triệu Thị Bé H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn Quốc H2, ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Nguyên đơn bà Triệu Thị Bé H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà H và ông Đ hình thành do tự tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục Kết hôn số 68/TLKH-BS ngày 17/05/2001). Ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp PT, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Bé H cho rằng, quá trình chung sống giữa bà H và ông Đ chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên đánh đập và xúc phạm danh dự của bà H, mặc dù đã viết cam kết tại Công an xã ĐP nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Từ sau Tết 2021, ông Đ bỏ nhà đi và cả hai sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Em Nguyễn Văn Quốc H1 là con ruột của bà H và ông Đ xác nhận toàn bộ mâu thuẫn của cha mẹ, em H1 còn cho biết ông Đ thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H và các em của H1, thường xuyên nhậu nhẹt, thiếu trách nhiệm đối với gia đình.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà H và ông Đ lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông Đ có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H, đã cam kết nhưng không sửa đổi đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Giữa ông Đ và bà H sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm cũng cho thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà H sinh được 03 (ba) con chung: Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 26/8/1999; Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 18/9/2000; Nguyễn Triệu Quốc H2, sinh ngày 20/5/2010. Hiện cháu H1 và T đã trưởng thành, không mất khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Triệu Quốc H2, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cháu H2, không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi xem xét nguyện vọng của cháu H2 và điều kiện nuôi con của bà H, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà H được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà H về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà H trong việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Triệu Thị Bé H. Ngược lại, bà Triệu Thị Bé H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông Đ có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Bé H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Bé H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Bà Triệu Thị Bé H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Triệu Quốc H2, sinh ngày 20/5/2010. Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp

đưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Triệu Thị Bé H. Ngược lại, bà Triệu Thị Bé H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Triệu Thị Bé H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006422 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông bà Triệu Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Đ. Bà H và ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 17/5/2001 (theo bản sao Trích lục Kết hôn số 68/TLKH-BS ngày 17/05/2001) của Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Triệu Thị Bé H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã ĐP (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn